TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2023
V/v ly hôn, tranh
chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Thế Chính.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Lý
2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 743/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/10/2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 5, xã X, huyện T, tỉnh T; tạm trú: Tổ 4, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh B; có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lê Xuân T, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã X, huyện T, tỉnh T; tạm trú: Tổ 4, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/10/2023 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Sau thời gian tự nguyện tìm hiểu, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T tiến đến hôn nhân. Bà L và ông T đăng ký kết hôn ngày 07/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là xã X), huyện T, tỉnh T.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà L và ông T chung sống hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà L xác định không còn tình cảm với ông T. Nhận thấy

tình cảm vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Lê Xuân T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T có 03 con chung tên Lê Thị Việt A, sinh năm 2003; Lê Xuân Hoàng A1, sinh ngày 08/11/2012 và Lê Thị Kim T1, sinh ngày 29/01/2015.

Đối với con chung tên Lê Thị Việt A đã đủ 18 tuổi nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung tên Lê Xuân Hoàng A1 và Lê Thị Kim T1: Bà L yêu cầu Tòa án giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Xuân T đã được Tòa án triệu tập hợp L để tham gia giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp L nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lê Xuân T.

Về con chung: Đối với con chung tên Lê Thị Việt A đã đủ 18 tuổi nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên Lê Xuân Hoàng A1 và Lê Thị Kim T1: Đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với ông Lê Xuân T, đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông Lê Xuân T đang cư trú tại Tổ 4, khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh B nên

vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ông Lê Xuân T đã được Tòa án tống đạt hợp L các văn bản tố tụng để tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07/11/2001 tại Ủy ban nhân dân xã X (nay là xã X), huyện T, tỉnh T, đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Bà Nguyễn Thị L cho rằng mâu thuẫn giữa bà L và ông T đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn, vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Bà L xác định không còn tình cảm với ông T. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập hợp L ông T tham gia tố tụng nhưng ông T luôn vắng mặt, điều đó cho thấy ông T không còn quan tâm đến việc hàn gắn tình cảm với bà L. Tại biên bản xác minh ngày 20/11/2023 thể hiện mâu thuẫn cụ thể giữa bà L và ông T thì chính quyền địa phương không rõ. Xét quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà L và ông T không tìm ra được tiếng nói chung, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà L yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở, cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T có 03 con chung tên Lê Thị Việt Anh, sinh năm 2003; Lê Xuân Hoàng An, sinh ngày 08/11/2012 và Lê Thị Kim Tri, sinh ngày 29/01/2015.

Đối với con chung tên Lê Thị Việt Anh đã đủ 18 tuổi và bà L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với con chung tên Lê Xuân Hoàng A1 và Lê Thị Kim T1 đang sinh sống cùng với bà L. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của con chung nên việc bà L yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bà L không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Lê Xuân T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lê Xuân T.

2. Về con chung:

Đối với con chung tên Lê Thị Việt A, sinh năm 2003 đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Giao 02 con chung tên Lê Xuân Hoàng A1, sinh ngày 08/11/2012 và Lê Thị Kim T1, sinh ngày 29/01/2015 cho bà Nguyễn Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Lê Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Xuân T đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, L phí Tòa án số AA/2021/0012397 ngày 17/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Chi cục THADS thị xã Bến Cát;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thế Chính